

Số: /GPMT-UBND Phú Thọ, ngày tháng 02 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 18/01/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “đầu tư xây dựng trung tâm thương mại Big C Việt Trì” tại đường Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ của Công ty cổ phần bất động sản Việt Nhật;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần bất động sản Việt Nhật tại Văn bản số 30/CV-GTMT ngày 30 tháng 01 năm 2024 và hồ sơ nộp kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 65/TTr-TNMT ngày 01/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần bất động sản Việt Nhật, có địa chỉ trụ sở chính tại số 222, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Trung tâm thương mại Go! Việt Trì”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Trung tâm thương mại Go! Việt Trì.

1.2. Địa điểm hoạt động: khu đồng Đè Cháy, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 1014848441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ chứng nhận lần đầu ngày 28/11/2011, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 01/11/2023.

1.4. Mã số thuế: 0102853832.

1.5. Loại hình sản xuất: xây dựng trung tâm thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Phạm vi: tổng diện tích đất thực hiện cơ sở là 30.051,2m² tại khu đồng Đè Cháy, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô: dự án nhóm B (theo tiêu chí phân loại Luật Đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thuộc dự án đầu tư nhóm II theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất: đầu tư xây dựng tổ hợp 1 tầng (trong đó có 1 tầng lửng) diện tích sàn xây dựng là 10.690m², sân đỗ các loại xe diện tích 3.700m² và phần công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ bên ngoài gồm: đường giao thông nội bộ, cảnh quan cây xanh và các tiện ích khác. Công suất phục vụ khoảng 2.000 lượt khách/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần bất động sản Việt Nhật:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần bất động sản Việt Nhật có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định;

báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, PCT (Phan Trọng Tấn);
- Sở TN&MT;
- CVP, các PCVP;
- UBND thành phố Việt Trì;
- Công ty cổ phần bất động sản Việt Nhật;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN3 (Tr-14b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC 1
YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 02
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: nước thải phát sinh từ khu chế biến thực phẩm.
- Nguồn số 2: nước thải sinh hoạt phát sinh từ các xí nghiệp khu nhà vệ sinh chung.
- Nguồn số 3: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động rửa tay chân, lau sàn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Một dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm thương mại.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Hệ thống thoát nước chung của khu vực phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: tại hồ ga của khu vực, phía trước công phụ cạnh phòng bảo vệ, phía Tây của dự án.

- Tọa độ vị trí xả thải: X: 2357021; Y: 570452 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 70 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả thải: tự chảy, xả mặt.
- Chế độ xả thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNM - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,0). Khuyến khích chủ dự án thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (C _{max})	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần
2	pH	-	5 - 9	
3	TSS	mg/L	50	
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	30	
5	TDS	mg/L	500	

6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10
7	Photphat (PO_4^{3-})	mg/L	6
8	Sunfua (S^{2-})	mg/L	1
9	Amoni (NH_4^+)	mg/L	5
10	Nitrat (NO_3^-)	mg/L	30
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5
12	Coliforms	MPN/100mL	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ khu chế biến thực phẩm của các gian hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống và kinh doanh các mặt hàng tươi sống được thu gom xử lý sơ bộ qua 2 bể tách mỡ có tổng thể tích 28,22m³ và 1 bể lọc bột mì có thể tích 10,40m³ sau đó theo đường ống D60 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung có công suất 70 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các xí tiêu khu nhà vệ sinh chung được thu gom xử lý sơ bộ tại 2 bể tự hoại, có tổng thể tích là 98,54m³ sau đó theo đường ống D100 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung có công suất 70 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước sinh hoạt phát sinh hoạt động rửa tay chân, lau sàn sẽ được dẫn qua đường ống D100 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung có công suất 70 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Các công trình xử lý nước thải:

- 2 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 98,54m³.
- 2 bể tách dầu mỡ, tổng thể tích 28,22m³.
- 1 bể lọc bột mì, thể tích 10,40m³.
- 1 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm gồm các bể xử lý có thể tích lần lượt: bể gom (6,76m³); bể điều hòa (75,6m³); bể Aeroten (60,2m³); bể lắng (23,28m³); bể trung chuyển (9m³); bể khử trùng (22,4m³); bể chứa bùn (34m³).

b) Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

- Nước thải {(nước thải từ các xí tiêu, bồn cầu → bể tự hoại) + (nước thải từ khu chế biến thực phẩm → bể tách dầu mỡ, bể lọc bột) + nước thải rửa tay chân, lau sàn} → bể gom → bể điều hòa → bể Aeroten → bể lắng → bể trung chuyển → bể khử trùng → hệ thống thoát nước chung của khu vực phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Hệ thống có 1 bể chứa bùn.

c) Công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung: 70 m³/ngày đêm.

d) Hóa chất sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống nước mưa, nước thải, các hố ga, bể phốt để tăng khả năng thoát nước, xử lý nước.

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải thực hiện vận hành, lấy mẫu phân tích và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Vận hành và bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- 1 tháng, kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày.đêm.

a) Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (sau bể khử trùng).

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phụ lục này trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Lập và cập nhật sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, 6, 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông báo nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 02
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: tiếng ồn từ các phương tiện tham gia giao thông ra vào trung tâm.
- Nguồn số 2: tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: vị trí phát sinh tiếng ồn không tập trung được phân tán ra xung quanh.
- Nguồn số 2: khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
+ Tọa độ: X: 2357069; Y: 570485 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu:

3.1. Tiếng ồn:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA:

TT	Khu vực	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

3.2. Độ rung:

- Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	
		Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- Các máy móc tạo ra rung động trong quá trình hoạt động được gắn chặt vào nền xi măng và có lót cao su chống rung.

- Điều tiết phương tiện ra vào theo ô theo lối tránh trường hợp lộn xộn và nổ máy, bấm còi.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 02
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Pin, ắc quy hỏng	19 06 01	19
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng thải	16 01 06	70
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	17 02 03	40
4	Giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	25
5	Bao bì mềm nhiễm thành phần nguy hại	18 01 01	40
6	Hộp mực in	08 02 04	16
Tổng			210

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn gồm các loại thức ăn thừa, vỏ bánh, hoa quả...	18.000
2	Chất thải rắn gồm các loại bao bì, nilon, giấy vụn, nhựa..	60.000
3	Các loại hàng hóa thực phẩm khô hết hạn	3.600
Tổng		81.600

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 25 m³/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa:

- 6 thùng, dung tích 144 lít/thùng được dán nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải nguy hại theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 40cm mỗi chiều, được ghi rõ, dễ đọc, không bị mờ, phai màu.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 6,3m².

- Thiết kế, cấu tạo: tường xây gạch chỉ dày 200mm, cửa sắt. Nền nhà cao, chống thấm, xung quanh có hệ thống rãnh thoát nước, cửa sắt có dán biển hiệu

cảnh báo theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 40cm mỗi chiều, được ghi rõ, dễ đọc, không bị mờ, phai màu..

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa: không.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 31,85m².

- Thiết kế, cấu tạo: tường xây gạch chỉ dày 200mm, cửa sắt. Nền nhà cao, chống thấm, xung quanh có hệ thống rãnh thoát nước, có vách ngăn chắn giữa khu vực chứa chất thải rắn thông thường và khu vực chứa chất thải rắn nguy hại.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa:

- 6 thùng, dung tích 144 lít/thùng.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 14,7m².

- Thiết kế, cấu tạo: tường xây gạch chỉ dày 200mm, cửa sắt. Nền nhà cao, chống thấm, xung quanh có hệ thống rãnh thoát nước, có vách ngăn chắn giữa khu vực chứa chất thải rắn thông thường và khu vực chứa chất thải rắn nguy hại.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

- Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ Môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.